TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:172/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 -2022
"*Về ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành
Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị X, sinh năm 1989; có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 5, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

Nơi thường trú: Xóm X Tường, xã X Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

- *Bị đơn:*Anh Phạm Cường T, sinh năm 1984;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 5, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

Hiện đang ở Nhật Bản (không rõ địa chỉ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày: Chị và anh Phạm Cường T chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An ngày 21/01/2013. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hòa thuận với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, năm 2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản mà chị không biết. Từ đó, vợ chồng không liên lạc với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên chị Lê Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Cường T.

Về con chung: Chị Lê Thị X và anh Phạm Cường T có 01 con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2014 hiện nay đang do bố mẹ anh T là ông Phạm Văn Phùng và bà Trần Thị Bình trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X và anh T không ai có con riêng, con nuôi. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Cường T: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh T vắng mặt. Chị X không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh T cư trú, chỉ biết anh T đi sang Nhật Bản từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy báo tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho anh T thông qua bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn Phùng và bà Trần Thị Bình, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Phùng và bà Bình cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông Phùng và bà Bình cho biết anh T ở nước ngoài, thỉnh thoảng liên lạc về với ông bà, nhưng không cho chị biết địa chỉ cụ thể của anh mà chỉ biết hiện nay anh T đang sinh sống tại Nhật Bản. Anh T đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị X với anh do ông Phùng và bà Bình thông báo. Ông Phùng và bà Bình cho biết anh T không đồng ý ly hôn vì chưa thống nhất về người nuôi con và tài sản. Khi chị X và anh T ly hôn thì ông bà có nguyện vọng được nuôi cháu H, ông bà không yêu cầu anh T và chị X phải hoàn trả chi phí nuôi dưỡng cháu H. Không đưa ông bà vào tham gia tố tụng.

Cháu Phạm Huy H có ý kiến: Cháu là con đẻ của mẹ Lê Thị X và bố Phạm Cường T. Khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với ông Phạm Văn Phùng và bà Trần Thị Bình vì cháu đã ở với ông bà nội từ lúc cháu 2 tuổi đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Cường T đã được bố mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Lê Thị X xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, ông Phạm Văn Phùng và bà Trần Thị Bình không yêu cầu tiền nuôi cháu và yêu cầu không đưa ông bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Lê Thị X và anh Phạm Cường T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vào năm 2013, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị X và anh T cắt đứt mọi quan hệ và không liên lạc với nhau từ khi anh T đi sang Nhật Bản từ cuối năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Phạm Cường T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2014 khi ly hôn anh T đang ở nước ngoài, chị X có nguyện vọng được nuôi con phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về chi phí nuôi cháu H từ năm cháu 02 tuổi đến nay ông Phùng và bà Bình không yêu cầu nên miễn xét. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do chị X không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn chị Lê Thị X và bị đơn anh Phạm Cường T; chị X và anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Theo thông tin của cục xuất nhập cảnh cho biết anh Phạm Cường T đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 26/11/2019 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Cường T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của ông Phạm Văn Phùng và bà Trần Thị Bình là bố mẹ đẻ của anh T và yêu cầu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị X và anh T. Tuy nhiên, ông Phùng và bà Bình không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh T do anh T không cho ông bà biết; ông bà cho biết anh T không đồng ý ly hôn với chị X vì chưa thống nhất về nuôi con và chia tài sản chung. Đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng anh T trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228, vắng

mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn, huyện Đô Lương. Năm 2019, anh T đi sang Nhật Bản và kể từ đó, hai người không liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không quan tâm đến nhau cả vật chất và tinh thần. Nay, chị X không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Phạm Cường T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Chị X và anh T có một con chung là cháu Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2014, không ai có con nuôi, con riêng. Hiện nay cháu H đang do ông bà nội là ông Phạm Văn Phùng và bà Trần Thị Bình nuôi dưỡng và ông bà cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu. Xét anh T đang sống ở nước ngoài, chị X không bị cấm nuôi con, là mẹ đẻ cháu H có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật, do đó chấp nhận yêu cầu của chị X. Anh T không phải đóng góp nuôi con do chị X không yêu cầu. Ông Phùng và bà Bình không yêu cầu anh T và chị X phải hoàn trả các chi phí nuôi cháu H nên miễn xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị X và anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X được ly hôn anh Phạm Cường T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Huy H, sinh ngày 07/6/2014 cho chị Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Cường T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do chị X không yêu cầu.

Anh Phạm Cường T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lê Thị X và anh Phạm Cường T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011879 ngày 15/5/2022.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn